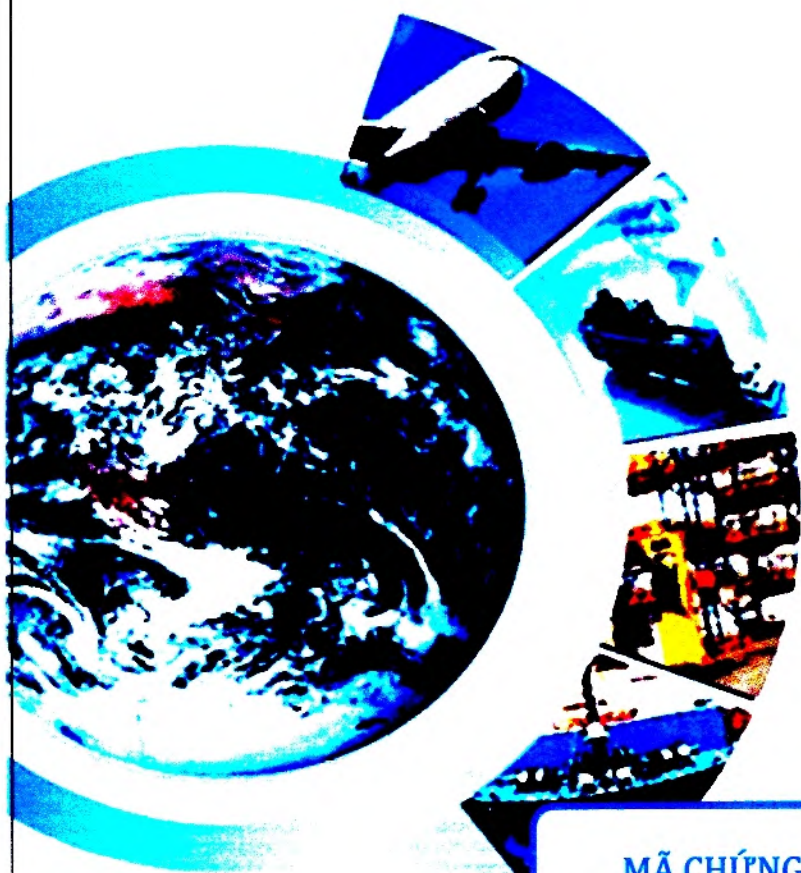




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



MÃ CHỨNG KHOÁN: SFI

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển.....	5
5. Các rủi ro.....	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính	10
5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	12
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty...	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	18
3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.....	18
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
1. Hội đồng quản trị.....	19
2. Ban Kiểm soát	20
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS.....	21
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22
1. Đơn vị kiểm toán:.....	22
2. Ý kiến kiểm toán:.....	22
3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:.....	23

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 10/01/2018.
- Vốn điều lệ: 119.301.540.000 đồng.
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Trên đà phát triển tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;
- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh chính thức đi vào hoạt động;
Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;

- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
- 2016 Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng.
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng.
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

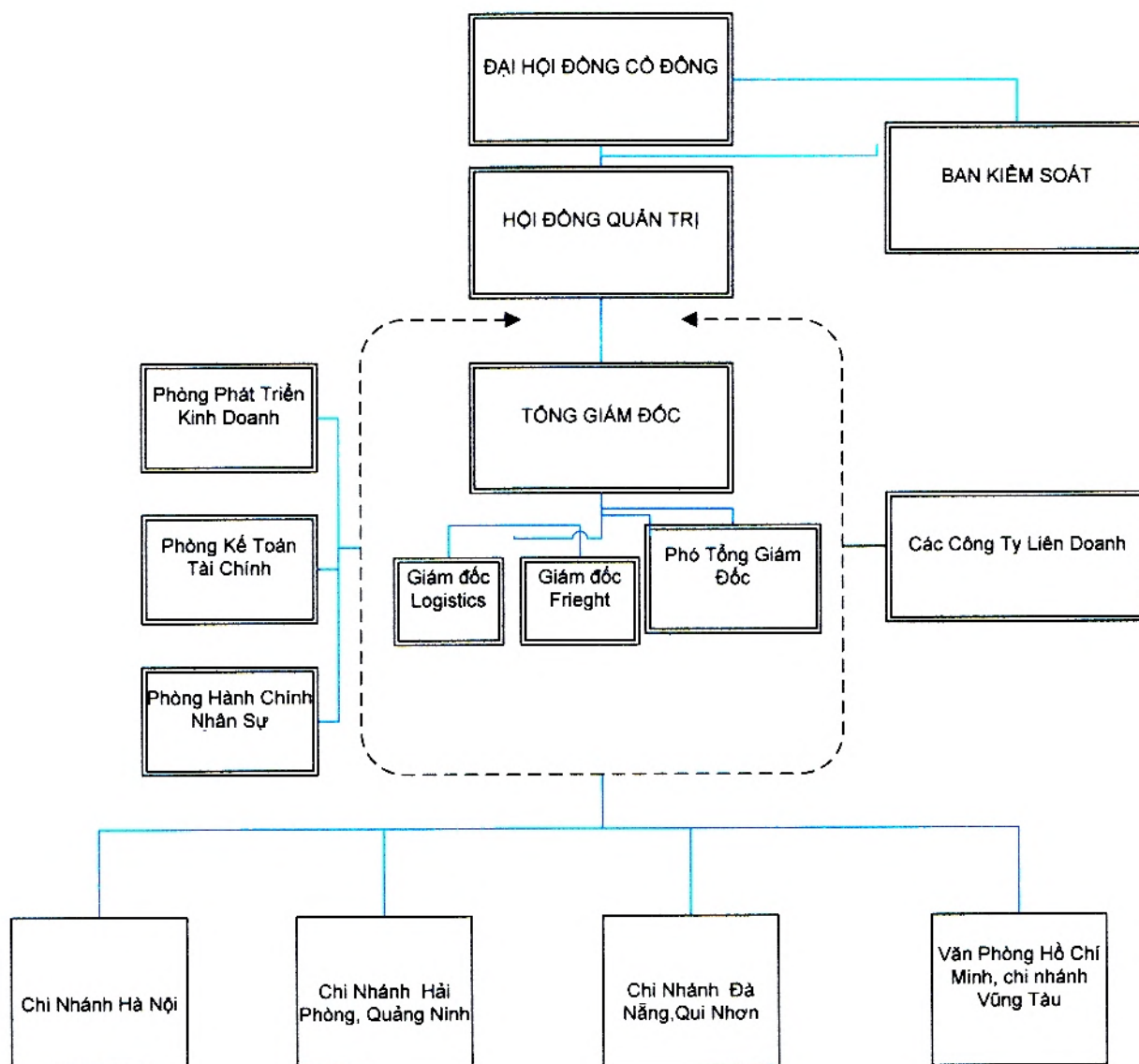
- Đại lý vận tải;
 - Đại lý uỷ thác quản lý container và giao nhận hàng hoá;
 - Khai thác, thu gom hàng hoá và vận tải nội địa;
 - Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
 - Giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
 - Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
 - Kinh doanh khai thác kho bãi;
 - Vận chuyển hàng hoá quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
 - Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
 - Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
 - Đóng gói bao bì hàng hoá;
 - Vận tải đa phương thức quốc tế;
 - Mua bán, cho thuê vỏ container;
 - Đại lý du lịch
 - Điều hành tua du lịch
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
 - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu uỷ thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
 - Và các ngành nghề kinh doanh khác theo qui định;
- Địa bàn kinh doanh chính: Trong nước và quốc tế.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và một Giám đốc Phát triển kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng

- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

+ **Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI**

- 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%.
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ **Công ty TNHH SITC Việt Nam**

- 419 + 421 TD – Bussiness Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 400.000 USD.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%.
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển

+ **Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI**

- 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%.
- Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

+ **Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)**

- Địa chỉ: 2A-4A Tôn Đức Thắng P.705-708 (#7) P.BN - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 600.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%
- Ngành nghề: Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

+ **Công ty TNHH KCTC Việt Nam**

- Địa chỉ: 233, Đồng Khởi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 900.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 23%
- Ngành nghề: Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu

- Ổn định và phát triển bền vững các dịch vụ kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội đầu tư; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nội dung hàng đầu trong chiến lược phát triển lâu dài của SAFI.

Chiến lược tập trung

+ Ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh cốt lõi

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Mở rộng thêm kho bãi tại Hà Nội, Tp HCM và Hải Phòng;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;
- Dịch vụ môi giới, đại lý tàu biển sẽ duy trì chất lượng dịch vụ thuyền viên, đại lý tàu với các thân chủ đã được chỉ định;
- Dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung quốc;
- Theo sát các chính sách, Hiệp định của Nhà nước và thế giới để có định hướng phát triển phù hợp.

+ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư

- Kế hoạch mở rộng đầu tư thêm vào các mảng như: đầu tư góp vốn khu bến bãi cảng hoặc các cảng nội địa tại khu vực Tp HCM, Hải Phòng;
- Theo dõi sát sao các thông tin thoái vốn của Nhà nước cũng như lĩnh vực ngành nghề hoạt động phù hợp để đầu tư;

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, thu gom chất thải công nghiệp đúng quy định.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước thay thế các trang thiết bị cũ bằng các thiết bị mới hiện đại sử dụng ít nguyên nhiên vật liệu và giảm khí thải độc hại ra môi trường, có tính an toàn cao trong vận hành. Tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác Phòng chống cháy nổ, tràn đổ hoá chất, xử lý chất thải...
- Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISO, nâng cao tính hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong kinh doanh.
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác An sinh xã hội. Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện khác...

- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

4. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Bên cạnh việc hội nhập phát triển, hoạt động của công ty cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cả trong nước và ngoài nước. Với số lượng cả ngàn các Công ty giao nhận cả nội địa và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam hiện, Công ty luôn phải cải thiện chất lượng dịch vụ đồng thời luôn phải cố gắng cập nhật giá cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	536.753.372.222	570.429.636.724	+6,27%
2	Doanh thu thuần	560.906.422.315	716.293.108.929	+27,70%
3	Lợi nhuận gộp	168.770.516.332	172.821.531.728	+2,40%
4	Chi phí bán hàng	50.249.854.281	58.393.324.646	+16,21%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.739.633.878	70.446.596.876	+5,55%
6	Chi phí tài chính	1.227.595.704	1.288.643.572	+4,97%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính	65.031.769.784	44.400.601.517	-31,72%
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.624.519.166	51.755.921.843	-23,47%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.776.502.671	40.947.127.794	-26,59%
10	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	54.213.987.184	38.957.379.993	-28,14%

11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.040	3.449	-31,57%
12	Cổ tức	15%	15%	0,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty

- Khép lại một năm kinh doanh âm đầy khó khăn, nền kinh tế trong nước liên tục bị ảnh hưởng từ biến động của thị trường kinh tế thế giới. Thị trường khu vực có nhiều biến động, căng thẳng chính trị, bất ổn xã hội diễn ra tại nhiều khu vực trên thế giới với tần suất mạnh mẽ làm gián đoạn hoạt động thương mại, cộng thêm tác động phức tạp của thiên tai với mức độ cao tại nhiều vùng miền trên cả nước. Là công ty chuyên kinh doanh về dịch vụ điều phối logistics, vận tải đa phương thức, các hoạt động đại lý vận tải đa phương thức... SAFI luôn phải đối đầu với nhiều khó khăn và thách thức đến từ nền kinh tế vĩ mô lẫn vi mô tác động nhưng vẫn đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Tiếp nối năm 2016, doanh thu năm 2017 có sự tăng nhẹ với mức tăng trưởng 6,27% so với năm 2016, mang về giá trị thuần 562,75 tỷ đồng. Sự gia tăng này chủ yếu là do trong năm Công ty đã đẩy mạnh phát triển các hoạt động liên quan đến logistic và hoạt động giao nhận đường biển và đường không. Số lượng đơn hàng tăng lên đồng thời ở cả các chi nhánh và văn phòng Công ty. Điều này dẫn đến doanh thu có xu hướng tăng trưởng so với năm trước.
- Tuy nhiên xét về lợi nhuận trước thuế năm nay có phần sụt giảm 23,47% so với năm trước do trong quý 4 năm 2016 Công ty có thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam với tỷ lệ sở hữu là 35% vốn điều lệ của công ty này và ghi nhận phần lợi nhuận còn lại chuyển về từ công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam với số tiền 19.781.859.024 đồng. Khoản thiếu hụt này vô hình chung đã tạo sự chênh lệch giảm về lợi nhuận của năm nay so với năm trước. Mặc dù sự chênh lệch giảm giá trị là 15.868.597.323 đồng, nhưng nếu không có khoản lợi nhuận đột biến 19,78 tỷ trên của năm 2016 thì lợi nhuận năm 2017 sẽ tăng vào khoảng 3,9 tỷ đồng so với năm trước. Lợi nhuận gộp tăng trưởng 2,40% đạt 172,82 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt giá trị 38,96 tỷ đồng, giảm 28,14% so với năm 2016.
- Trong bối cảnh mà khó khăn nhiều hơn thuận lợi, việc thể hiện hoạt động kinh doanh mang tính ổn định và phát triển lâu dài là cần thiết, do đó năm 2018 công ty cũng đang tiến hành nâng cao các gói dịch vụ cung cấp, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, ứng dụng công nghệ cao với quy mô lớn nhằm thu hút khách hàng, mở rộng thị trường phân khúc, tạo động lực cho tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận dài lâu.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch năm 2017			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	600	716,293	119%	560,906	716,293	+27,70%

2	Lợi nhuận trước thuế	60	51,756	86%	67,625	51,756	-23,47%
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	48,13	38,957	81%	54,214	38,957	-28,14%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

- **Thành viên Hội đồng quản trị:** Số lượng cổ phiếu sở hữu được chốt theo danh sách cổ đông ngày 16/03/2018

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ CP	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	18,87%	
2	Trần Nguyên Hùng	Ủy viên HĐQT	0,42%	Hết nhiệm kỳ ngày 01/04/2017
3	Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên HĐQT	3,06%	
4	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT	2,06%	
5	Vũ Văn Trực	Ủy viên HĐQT	3,45%	
6	Ngô Trung Hiếu	Ủy viên HĐQT	0,53%	Bổ nhiệm ngày 01/04/2017

- **Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	18,87%	
2	Nguyễn Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	1,49%	

- **Thành viên Ban kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ	Ghi chú
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,51%	
2	Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên	0,01%	Hết nhiệm kỳ ngày 01/04/2017
3	Huỳnh Quang Thành	Thành viên	0,21%	Bổ nhiệm ngày

				01/04/2017
4	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	0,00%	

b. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 01/04/2017 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty Cổ phần Đại lý Vận Tải SAFI đã tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 do hết hạn của nhiệm kỳ (2012-2017).
- Đại hội cũng đã thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Anh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Đại lý Vận Tải SAFI vào ngày 01/04/2017.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là 346 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	346	100%
- Lao động trực tiếp	320	92,5%
- Lao động gián tiếp	26	7,5%
B. Phân theo trình độ lao động	346	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	164	47,40%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	159	45,95%
- Lao động phổ thông	23	6,65%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư tài chính của công ty trong năm 2017

Đơn vị tính:
đồng

Tên công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị (VNĐ)
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45,00%	45,00%	3.507.642.954	45,00%	45,00%	4.350.780.000

Tên công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị (VNĐ)
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	23,00%	23,00%	7.593.176.164	23,00%	23,00%	7.574.455.151
Tổng cộng			11.100.819.118			11.925.235.15

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính:
đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	536.753.372.222	570.429.636.724	+6,27%
2	Doanh thu thuần	560.906.422.315	716.293.108.929	+27,70%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính	65.031.769.784	44.400.601.517	-31,72%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.624.519.166	51.755.921.843	-23,47%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.776.502.671	40.947.127.794	-26,59%
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	54.213.987.184	38.957.379.993	-28,14%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.040	3.449	-31,57%
8	Cổ tức	15%	15%	0,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,90	1,85
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,90	1,71

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng nguồn vốn	Lần	0,37	0,38
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,58	0,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	Vòng	1,29	1,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	9,94%	5,72%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,37%	11,82%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	10,97%	7,40%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	5.040	3.449
- Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BV)	Đồng	30.177	29.989

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 11.930.154 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 119.301.540.000 đồng
- Số cổ phiếu có quyền biểu quyết: 11.800.142 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 130.012 cổ phiếu (số lượng cổ quỹ phát sinh do công ty thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV công ty nghi việc theo qui chế phát hành cổ phiếu ESOP)

b. Cơ cấu cổ đông

- Cơ cấu sở hữu của cổ đông theo danh sách chốt 16/03/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	5.192.501	43,52%	4	2	2
	- Trong nước	2.925.331	24,52%	2	-	2

	- Nước ngoài	2.267.170	19,00%	2	2	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	130.012	1,09%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	6.607.641	55,39%	1.157	50	1.107
	- Trong nước	4.680.063	39,23%	1.086	34	1.052
	- Nước ngoài	1.927.578	16,16%	71	16	55
TỔNG CỘNG		11.930.154	100,00%	1.162	53	1.109
Trong đó : - Trong nước		7.735.406	64,84%	1.089	35	1.054
- Nước ngoài		4.194.748	35,16%	73	18	55

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thay đổi vốn điều lệ: Trong năm 2017, Công ty đã phát hành 561.912 cổ phiếu cổ phiếu ESOP (tương đương 5% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết tại thời điểm phát hành), tăng vốn điều lệ từ 113,68 tỷ đồng lên 119,30 tỷ đồng. Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

b. Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành các thiết bị chuyên dùng trong quy trình khai thác tại cảng, Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc hại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

c. Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

e. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2017 có tổng nhân viên là 346 người.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao (nếu có nhu cầu).

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty so với kế hoạch và so với năm 2016

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch năm 2017			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	600	716,293	119%	560,906	716,293	+27,70%
2	Lợi nhuận trước thuế	60	51,756	86%	67,625	51,756	-23,47%
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	48,13	38,957	81%	54,214	38,957	-28,14%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty

- Nhìn chung, Công ty đã hoàn thành kế hoạch doanh thu mà Đại hội cổ đông thường niên 2017 đã đề ra, vượt 19% so với chỉ tiêu kế hoạch, đạt giá trị 716,29 tỷ đồng. Do thiếu hụt

khoảng lợi nhuận đột biến từ năm trước nên năm trong 2017, công ty hoàn thành lợi nhuận trước thuế đạt 86% so với kế hoạch được giao.

- Trong cơ cấu doanh thu 2017 thì hoạt động Forwarding chiếm tới 63,98% doanh thu đạt 458,27 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 77,84 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động này năm 2017 là 45,04%, cao hơn rất nhiều so với mức 33,78% ở năm 2016. Sự tăng trưởng vượt bậc này là do trong năm, Công ty đã mạnh dạn đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động cung ứng tại các chi nhánh, công ty con, tập trung bứt phá doanh thu và lợi nhuận tại mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty và đã mang lại hiệu quả ấn tượng cao.
- Hoạt động Logistic luôn là tiên phong trong việc đóng góp lợi nhuận kinh doanh hằng năm của công ty. Mặc dù chỉ chiếm 33,10% tỷ trọng toàn doanh thu nhưng lại đạt tỷ suất lợi nhuận chiếm tới 50,33% trong tổng lợi nhuận, đạt giá trị là 86,98 tỷ đồng.
- Với kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2017, SAFI vẫn tương đối cao và ổn định so với các công ty hoạt động cùng ngành.

Đơn vị tính : tỷ

đồng

Chỉ tiêu		Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng các hoạt động
Doanh thu	Số tiền	237,120	458,271	20,903	716,293
	Tỷ trọng (%)	33,10%	63,98%	2,92%	100%
Lợi nhuận gộp	Số tiền	86,981	77,840	8,000	172,822
	Tỷ trọng (%)	50,33%	45,04%	4,63%	100%
Tổng tài sản	Số tiền	141,684	273,827	12,490	570,430
	Tỷ trọng (%)	24,84%	48,00%	2,19%	75%
Tổng nợ phải trả	Số tiền	71,686	138,544	6,319	216,549
	Tỷ trọng (%)	33,10%	63,98%	2,92%	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

Đơn vị tính:

đồng

Khoản mục		Số cuối năm		Số đầu năm		Tăng (giảm) so với đầu năm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	397.973.524.916	69,77%	372.891.462.041	69,47%	25.082.062.875	+6,73%
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	126.302.803.927	22,14%	190.741.416.506	35,54%	(64.438.612.579)	-33,78%

III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	232.296.890.478	40,72%	174.619.216.612	32,53%	57.677.673.866	+33,03%
IV.	Hàng tồn kho	29.140.181.473	5,11%	236.887.424	0,04%	28.903.294.049	+12201,28%
V.	Tài sản ngắn hạn khác	10.233.649.038	1,79%	7.293.941.499	1,36%	2.939.707.539	+40,30%
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	172.456.111.808	30,23%	163.861.910.181	30,53%	8.594.201.627	+5,24%
I.	Các khoản phải thu dài hạn	683.604.140	0,12%	683.604.140	0,13%	-	0,00%
II.	Tài sản cố định	77.757.136.691	13,63%	68.426.922.254	12,75%	9.330.214.437	+13,64%
III.	Bất động sản đầu tư	77.485.100.742	13,58%	80.713.886.889	15,04%	(3.228.786.147)	-4,00%
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	4.125.450.000	0,72%	-	0,00%	4.125.450.000	
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	12.000.819.118	2,10%	13.425.235.151	2,50%	(1.424.416.033)	-10,61%
VI.	Tài sản dài hạn khác	404.001.117	0,07%	612.261.747	0,11%	(208.260.630)	-34,01%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	570.429.636.724	100,00%	536.753.372.222	100,00%	33.676.264.502	+6,27%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty.

- Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản của công ty đạt 570,43 tỷ đồng tăng 33,68 tỷ, tương đương với mức tăng 6,27% so với năm 2016. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn đã tăng 6,73%, chiếm 69,77% tổng tài sản và tài sản dài hạn tăng 5,24%, chiếm 30,23% tổng tài sản.
- Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương chiếm 22,14%, các khoản phải thu chiếm 40% tăng 33,03%. Sự gia tăng đột biến này là do từ tháng 9/2017, Công ty con của Công ty là Công ty TNHH SITC Việt Nam thay đổi áp dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi sổ kế toán theo quản lý Tập đoàn (SITC International Holdings Co., Ltd), không phân loại chi tiết và đầy đủ các khoản công nợ phải thu của cùng một đối tượng là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng hay khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ và các khoản thu hộ của các khách hàng này khi trình bày báo cáo tài chính nên đã ảnh hưởng đến số liệu khoản phải thu khách hàng trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.
- Hàng tồn kho chiếm 5,11% trong tổng tài sản, giá trị tăng đột biến so với năm 2016, do trong năm 2017 công ty có nhập mua máy phát điện với mục đích thương mại. Tài sản ngắn hạn khác chiếm 1,79% tăng 40,30% so với cùng kỳ.
- Đối với cơ cấu tài sản dài hạn thì chủ yếu phân bổ tại các khoản mục là tài sản cố định, bất động sản đầu tư là tòa nhà Safi Tower tại địa chỉ số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được công ty sử dụng với mục đích cho thuê và đầu tư tài chính dài hạn lần lượt chiếm 13,63%, 13,58% và 2,10% trên tổng tài sản.

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính:
đồng

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm		Tăng (giảm) so với đầu năm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	216.549.322.206	37,96%	197.609.555.944	36,82%	18.939.766.262	+9,58%
I. Nợ ngắn hạn	215.218.560.606	37,73%	196.278.794.344	36,57%	18.939.766.262	+9,65%
II. Nợ dài hạn	1.330.761.600	0,23%	1.330.761.600	0,25%	-	0,00%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	353.880.314.518	62,04%	339.143.816.278	63,18%	14.736.498.240	+4,35%
I. Vốn chủ sở hữu	353.880.314.518	62,04%	339.143.816.278	63,18%	14.736.498.240	+4,35%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	570.429.636.724	100,00%	536.753.372.222	100,00%	33.676.264.502	+6,27%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty.

- Tổng nợ phải trả của công ty tại ngày 31/12/2017 là 216,55 tỷ đồng (chiếm 37,96% tổng nguồn vốn) tăng 18,94 tỷ đồng tương đương tăng 9,58% so với năm 2016. Trong cơ cấu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn là 215,22 tỷ đồng, chiếm 37,73% tổng nguồn vốn, nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như: phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước là 98 tỷ đồng. Đối với khoản nợ dài hạn 1,33 tỷ đồng thì không thay đổi so với đầu năm, chỉ chiếm 0,23% trong tổng nợ phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.

- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá lẫn con người.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**
- SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**
- Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.
- Nhiều hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn,...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sơ kết một năm kinh doanh đầy thách thức, SAFI đã gắn kết một đoạn đường khá dài với bề dày 26 năm trong lĩnh vực vận chuyển, logistic, dịch vụ tàu biển. Năm 2017, thực sự là một năm kinh doanh khó khăn cho tất cả các ngành nghề hoạt động, nhưng không vì thế mà SAFI chùn bước. Tiếp nối thành công năm 2016, mặc dù các chỉ tiêu về lợi nhuận giảm so với năm trước do khoản thanh lý đầu tư vào công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam được ghi nhận vào năm 2016, nhưng chỉ số về chỉ tiêu doanh thu hoạt động lại hoàn thành vượt mức kế hoạch mà Đại hội cổ đông thường niên 2017 đề ra, đạt 716,29 tỷ đồng, tăng 27,70% so với năm 2016 và đạt 119% kế hoạch doanh thu đề ra. Đây là một thành quả rất đáng khích lệ bởi hàng loạt doanh nghiệp buộc phải phá sản, giải thể liên tục tăng mạnh trong năm. Có được kết quả trên là do Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc công ty để vượt qua những khó khăn và đưa ra các quyết định kịp thời hiệu quả trong điều hành hoạt động công ty.

Trong năm 2017, mọi hoạt động của công ty đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã luôn song hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, các Nghị quyết

của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước tình hình thị trường vận tải, logistic còn gặp nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

a. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2018 (tỷ đồng)	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	716,293	750	4,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	51,756	53	2,4 %
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	38,957	41	5,2%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Dự kiến 15% (tiền mặt)	Dự kiến 15% (tiền mặt)	

b. Chi tiết hình thành lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo Báo cáo tài chính hợp nhất 2017 & kế hoạch năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ (%)
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trong đó lợi nhuận đóng góp của các công ty con và liên doanh như sau:	38.957.379.993	41.000.000.000	5,2%
1	Công ty CP Đại Lý Vận Tải SAFI	33.561.490.496	34.570.000.000	3,0%
2	Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI	1.443.366.856	1.500.000.000	4,1%
3	Công ty TNHH SITC Việt Nam	702.633.744	1.000.000.000	42,4%
4	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI	4.074.304.931	4.100.000.000	0,7%
5	Công ty TNHH KCTC Việt Nam	18.721.012	30.000.000	66,6%
6	Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc Tế (Việt Nam)	(843.137.046)	0	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/ Độc lập /không điều hành	Chức vụ tại các tổ chức khác
1	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	Điều hành	Không

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/ Độc lập /không điều hành	Chức vụ tại các tổ chức khác
2	Nguyễn Hoàng Dũng	TV	Điều hành	Giám đốc Công ty TNHH Đại lý vận tải COSFI
3	Đặng Trần Phúc	TV	Điều hành	Không
4	Ngô Trung Hiếu	TV	Điều hành	Không
5	Vũ Văn Trục	TV	Độc lập	Không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

– Số lượng thành viên HĐQT hiện tại: Hiện tại số lượng thành viên HĐQT đương nhiệm là 05 thành viên. Trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng, và năm 2017, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

- + Các cuộc họp HĐQT quyết định các vấn đề chính như sau:
- + Thực hiện các nội dung mà Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra, quyết định kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2017.
- + Các quyết định quản lý điều hành của công ty thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.
- + Đánh giá và thông qua kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính các quý và năm 2017.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

– Trong năm 2017, ông Vũ Văn Trục là thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	1,51%
2	Huỳnh Quang Thành	Thành viên	0,21%
3	Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có 03 thành viên. các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2017, và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của ban Tổng giám đốc điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đã thông qua việc trích 3%/LNST cho ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/SAFI-2017) như sau:

LNST theo BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 (LNST)	Tỷ lệ trích	Ngân sách hoạt động của HĐQT & BKS
35.102.012.335 đồng	3%	1.053.060.370 đồng

- Các khoản lợi ích khác: không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	200.460	1,68%	245.460	2,06%	Mua & mua ESOP
2	Nguyễn Hải Nguyên	Con Chủ tịch HĐQT	310.000	2,59%	510.000	4,27%	Mua

3	Đỗ Thị Hồng Loan	Vợ Chủ tịch HDQT	418.900	3,51%	438.900	3,68%	Mua
4	Huỳnh Quang Thành	Thành viên BKS	41.688	0,35%	26.678	0,22%	Bán & mua ESOP
5	Nguyễn Hoàng Dũng	Thành viên HDQT	270.000	2,26%	365.000	3,06%	Bán & mua ESOP
6	Đoàn Thu Hà	Vợ TV HDQT	54.450	0,46%	39.450	0,33%	Bán & mua ESOP
7	Ngô Trung Hiếu	Thành viên HDQT	63.334	0,53%	63.340	0,53%	Bán & mua ESOP

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Dũng		TV HDQT	024750409		Công ty TNHH Đại lý vận tải Cosfi	20/12/2017	22.700.000 đồng, chiếm 1% VDL	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc thành lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng

như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc thành lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.8- chính sách kế toán về các khoản nợ phải thu: Từ tháng 9/2017, Công ty con của Công ty là Công ty TNHH SITC Việt Nam thay đổi áp dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi sổ kế toán theo quản lý Tập đoàn (SITC International Holdings Co., Ltd), không phân loại chi tiết và đầy đủ các khoản công nợ phải thu của cùng một đối tượng là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng hay khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ và các khoản thu hộ của các khách hàng này khi trình bày báo cáo tài chính. Điều này dẫn đến số liệu trình bày trên khoản mục phải thu khách hàng và phải thu khác liên quan đến các khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ và các khoản thu hộ các khách hàng phát sinh từ tháng 9/2017 đang được trình bày ở khoản mục phải thu khách hàng trên báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất).

Hoặc website : www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG ANH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.8- Chính sách kế toán về các khoản nợ phải thu: Từ tháng 9/2017, Công ty con của Công ty là Công ty TNHH SITC Việt Nam thay đổi áp dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi sổ kế toán theo quản lý Tập đoàn (SITC International Holdings Co., Ltd), không phân loại chi tiết và đầy đủ các khoản công nợ phải thu của cùng một đối tượng là khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng hay khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ và các khoản thu hộ của các khách hàng này khi trình bày báo cáo tài chính. Điều này dẫn đến số liệu trình bày trên khoản mục phải thu khách hàng và phải thu khác liên quan đến các khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ và các khoản thu hộ các khách hàng phát sinh từ tháng 9/2017 đang được trình bày ở khoản mục phải thu khách hàng trên báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		397.973.524.916	372.891.462.041
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	126.302.803.927	190.741.416.506
111	1. Tiền		89.420.303.927	153.776.416.506
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.882.500.000	36.965.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		232.296.890.478	174.619.216.612
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	188.779.707.477	100.032.589.427
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		897.588.690	1.853.184.449
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	42.619.594.311	72.733.442.736
140	IV. Hàng tồn kho	8	29.140.181.473	236.887.424
141	1. Hàng tồn kho		29.140.181.473	236.887.424
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.233.649.038	7.293.941.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	250.632.131	346.569.416
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.632.656.779	6.947.372.083
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	350.360.128	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172.456.111.808	163.861.910.181
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		683.604.140	683.604.140
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	683.604.140	683.604.140
220	II. Tài sản cố định		77.757.136.691	68.426.922.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	73.960.246.089	64.208.535.828
222	- Nguyên giá		132.657.496.958	109.605.737.333
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.697.250.869)	(45.397.201.505)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.796.890.602	4.218.386.426
228	- Nguyên giá		5.865.069.453	5.865.069.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.068.178.851)	(1.646.683.027)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	77.485.100.742	80.713.886.889
231	- Nguyên giá		98.875.436.767	98.875.436.767
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.390.336.025)	(18.161.549.878)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	4.125.450.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.125.450.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	12.000.819.118	13.425.235.151
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.100.819.118	11.925.235.151
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(600.000.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		404.001.117	612.261.747
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	404.001.117	612.261.747
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		570.429.636.724	536.753.372.222

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		216.549.322.206	197.609.555.944
310	I. Nợ ngắn hạn		215.218.560.606	196.278.794.344
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	80.320.842.642	49.026.802.886
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	17.676.628.127	11.490.329.576
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.322.499.990	15.048.666.875
314	4. Phải trả người lao động		9.055.886.710	9.307.779.415
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		180.765.536	138.581.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	99.755.616.801	109.703.985.943
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.906.320.800	1.562.647.831
330	II. Nợ dài hạn		1.330.761.600	1.330.761.600
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.330.761.600	1.330.761.600
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.880.314.518	339.143.816.278
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	353.880.314.518	339.143.816.278
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		119.301.540.000	113.682.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		119.301.540.000	113.682.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.300.120.000)	(1.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.911.212.362	28.489.813.644
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		100.135.241.781	69.826.417.931
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.830.627.133	82.887.376.323
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.873.247.140	28.673.389.139
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.957.379.993	54.213.987.184
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.185.692.588	3.741.787.726
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		570.429.636.724	536.753.372.222

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	716.293.108.929	560.906.422.315
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		716.293.108.929	560.906.422.315
11	4. Giá vốn hàng bán	21	543.471.577.201	392.135.905.983
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.821.531.728	168.770.516.332
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.532.050.917	26.075.519.250
22	7. Chi phí tài chính	23	1.288.643.572	1.227.595.704
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(824.416.034)	(11.597.181.935)
25	9. Chi phí bán hàng	24	58.393.324.646	50.249.854.281
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	70.446.596.876	66.739.633.878
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.400.601.517	65.031.769.784
31	12. Thu nhập khác	26	9.158.980.173	2.644.487.690
32	13. Chi phí khác	27	1.803.659.847	51.738.308
40	14. Lợi nhuận khác		7.355.320.326	2.592.749.382
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.755.921.843	67.624.519.166
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	10.808.794.049	11.848.016.495
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>40.947.127.794</u>	<u>55.776.502.671</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38.957.379.993	54.213.987.184
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.989.747.801	1.562.515.487
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.449	5.040

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		51.755.921.843	67.624.519.166
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.300.222.244	14.942.177.354
03	- Các khoản dự phòng		600.000.000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		238.368.676	(1.774.432.548)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(194.014.304)	(11.969.505.075)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.700.498.459	68.822.758.897
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(60.362.958.562)	(26.911.640.686)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.903.294.049)	186.634.785
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.897.229.010	13.853.253.249
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		304.197.915	118.922.189
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.260.215.294)	(10.824.538.865)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.282.746.647)	(1.081.754.370)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.907.289.168)	44.163.635.199
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(27.527.100.534)	(13.207.095.452)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.545.455	716.363.637
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000	5.662.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.031.143.391	20.745.015.468
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.481.411.688)	13.916.283.653
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.619.120.000	5.351.530.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(900.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.430.663.047)	(17.743.735.896)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.811.543.047)	(13.292.205.896)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(64.200.243.903)	44.787.712.956

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		190.741.416.506	144.740.712.969
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(238.368.676)	1.212.990.581
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>126.302.803.927</u>	<u>190.741.416.506</u>



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue signature of Trương Thị Hoài Anh.

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		280.568.289.653	247.906.404.118
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	99.692.057.395	141.970.573.931
111	1. Tiền		62.809.557.395	105.005.573.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.882.500.000	36.965.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		147.737.883.928	105.455.515.069
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	133.531.921.076	93.371.284.121
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	667.945.317	2.645.288.235
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.538.017.535	9.438.942.713
140	IV. Hàng tồn kho	9	29.140.181.473	236.887.424
141	1. Hàng tồn kho		29.140.181.473	236.887.424
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.998.166.857	243.427.694
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	79.326.200	206.013.146
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.568.480.529	37.414.548
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	350.360.128	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		166.900.115.685	162.759.532.842
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.947.873.000	21.727.873.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	13.770.000.000	21.550.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	177.873.000	177.873.000
220	II. Tài sản cố định		76.415.205.731	67.166.935.842
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	72.618.315.129	62.948.549.416
222	- Nguyên giá		127.429.735.322	104.639.088.424
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(54.811.420.193)	(41.690.539.008)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.796.890.602	4.218.386.426
228	- Nguyên giá		5.812.569.453	5.812.569.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.015.678.851)	(1.594.183.027)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	4.125.450.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.125.450.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	72.411.586.954	73.864.724.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		64.618.344.000	64.628.344.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.736.380.000	7.736.380.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.443.137.046)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		447.468.405.338	410.665.936.960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		111.655.447.081	85.290.204.422
310	I. Nợ ngắn hạn		111.655.447.081	85.290.204.422
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	78.738.526.481	49.949.382.479
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		71.186.269	615.090.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	892.867.289	1.944.264.302
314	4. Phải trả người lao động		6.107.565.000	5.947.896.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		120.581.818	118.581.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	23.887.059.829	25.516.120.956
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.837.660.395	1.198.867.426
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		335.812.958.257	325.375.732.538
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	335.812.958.257	325.375.732.538
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		119.301.540.000	113.682.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		119.301.540.000	113.682.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.300.120.000)	(1.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.911.212.362	28.489.813.644
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		100.135.241.781	69.826.417.931
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.948.963.460	72.861.080.309
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.846.951.125	12.535.090.409
421b	LNST chưa phân phối năm nay		35.102.012.335	60.325.989.900
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		447.468.405.338	410.665.936.960

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	640.757.028.902	490.964.439.812
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		640.757.028.902	490.964.439.812
11	4. Giá vốn hàng bán	20	525.486.335.629	380.650.390.950
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.270.693.273	110.314.048.862
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.281.307.380	25.410.279.457
22	7. Chi phí tài chính	22	1.943.115.031	649.986.276
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	60.036.247.638	51.832.148.116
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	15.680.240.766	14.011.546.443
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.892.397.218	69.230.647.484
31	11. Thu nhập khác		16.200.000	537.069.165
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		16.200.000	537.069.165
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.908.597.218	69.767.716.649
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	7.806.584.883	9.441.726.749
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.102.012.335	60.325.989.900

Đoàn Thu Hà

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.908.597.218	69.767.716.649
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.542.377.009	10.346.186.847
03	- Các khoản dự phòng		1.443.137.046	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		234.095.544	(1.768.063.445)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.251.459.970)	(22.911.659.091)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.876.746.847	55.434.180.960
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(45.813.434.840)	(20.930.732.871)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.903.294.049)	183.194.467
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.179.549.555	3.385.415.325
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		126.686.946	(78.096.204)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.409.970.276)	(8.460.405.391)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(987.626.647)	(808.980.370)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.931.342.464)	28.724.575.916
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.916.096.898)	(13.207.095.452)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	716.363.637
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.780.000.000	7.500.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000	5.662.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.251.459.970	21.765.109.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.874.636.928)	22.436.377.987
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.619.120.000	5.351.530.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(900.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.857.561.600)	(16.044.517.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.238.441.600)	(11.592.987.950)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(42.044.420.992)	39.567.965.953

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		141.970.573.931	101.195.986.500
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(234.095.544)	1.206.621.478
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>99.692.057.395</u>	<u>141.970.573.931</u>



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018